TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thanh Thủy;

2. Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Trang.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 352/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP T**;

Địa chỉ: Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP T;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn G** – Giám đốc Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Huỳnh Như N1** – Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Bến Tre (Có mặt);

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Theo Giấy ủy quyền số 977/2024/UQ-CNBT ngày 16/9/2024)

2. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Kiên N**, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T là bà Huỳnh Như N1 trình bày:

Ngày 12/01/2019, ông Huỳnh Kiên N có lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tại Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Bến Tre (ghi tắt là Ngân hàng), theo đó ông N đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, Ngân hàng đồng ý. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông N với hạn mức là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, loại thẻ là JCB hạng vàng, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng, lãi suất là 2,5%/tháng, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và tự động gia hạn thời hạn sử dụng. Ông N xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của Thẻ tín dụng. Theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/7/2017 và Biểu phí của Ngân hàng thì:

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất vay thả nổi theo từng thời kỳ do Ngân hàng quy định nhưng nằm trong mức từ 1% - 2,77%/tháng.

- Hàng tháng ông N phải thanh toán hết tổng dư nợ đầu kỳ hoặc 5% tổng dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ vào ngày 22 hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán; nếu ông N phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối thiểu 80.000 (tám mươi nghìn) đồng) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó.

- Ngân hàng có quyền, không cần thông báo trước, từ chối bất kỳ giao dịch nào, tạm ngưng sử dụng thẻ của chủ thẻ và/hoặc tính phí vượt hạn mức theo quy định của Ngân hàng, phí vượt hạn mức được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp theo biểu phí sử dụng dịch vụ của Ngân hàng là 0,075% số tiền vượt hạn mức, mức thu tối thiểu là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

- Ông N còn phải chịu các loại phí.

- Dư nợ cuối kỳ của Thẻ là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch đã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ.

Sau khi được cấp thẻ, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 133.530.000 (một trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng, từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/4/2023 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 146.142.000 (một trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi hai) đồng. Từ ngày 23/4/2023, ông N không thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng nên thẻ bị quá hạn và hiện đã chuyển sang nợ nhóm 5. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo yêu cầu ông N thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông N vẫn không thực hiện. Đến ngày 14/5/2024, sau khi Ngân hàng khởi kiện, ông N có thanh toán được cho Ngân

hàng số tiền gốc là 2.000.000 (hai triệu) đồng, sau đó thì không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ vay tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 51.577.529 (năm mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng, gồm nợ gốc là 32.675.393 (ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là 12.601.424 (mười hai triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.712 (sáu triệu ba trăm nghìn bảy trăm mười hai) đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không tuân thủ đầy đủ quy định của Bộ luật dân sự do vắng mặt nhiều lần tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 117, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ vay tính đến ngày 27/9/2024 tổng cộng là 51.577.529 (năm mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng TMCP T (ghi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông Huỳnh Kiên N thanh toán số nợ vay theo Thẻ tín dụng đã ký. Theo Thẻ tín dụng đã ký thì ông N cư trú tại xã TĐ,

huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo Công văn số 23/CV-CAX ngày 12/8/2024 thì Công an xã Đ xác nhận ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên, hiện không rõ ông N đang sinh sống tại đâu. Do đó, có căn cứ xác định ông N cố tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông N.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng:

Theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đại diện Ngân hàng thì ngày 12/01/2019, ông N có lập Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tại Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Bến Tre (ghi tắt là Ngân hàng), theo đó ông N đề nghị Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, Ngân hàng đồng ý. Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông N với hạn mức là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, loại thẻ là JCB hạng vàng, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 22 hàng tháng, lãi suất là 2,5%/tháng, thời hạn sử dụng thẻ là 03 năm và tự động gia hạn thời hạn sử dụng. Theo Giấy đề nghị trên, ông N xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi Điều khoản và Điều kiện của Thẻ tín dụng và cùng với giấy đề nghị trên tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa các bên, ông N chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà ông đã được cấp.

Theo Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/7/2017 thì:

- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất vay thả nổi theo từng thời kỳ do Ngân hàng quy định nhưng nằm trong mức từ 1% - 2,77%/tháng (Mục 1.27 và Biểu phí của Ngân hàng).

- Hàng tháng ông N phải thanh toán hết tổng dư nợ đầu kỳ hoặc 5% tổng dư nợ đầu kỳ (chốt dư nợ đầu kỳ vào ngày 22 hàng tháng), Ngân hàng sẽ cho khách hàng 25 ngày để thanh toán; nếu ông N phát sinh trễ hạn sẽ bị thu phí phạt bằng 6% (tối

thiểu 80.000 (tám mươi nghìn) đồng) số tiền thanh toán tối thiểu của kỳ đó (Mục 21, 22, 27 và biểu phí của Ngân hàng).

- Ngân hàng có quyền, không cần thông báo trước, từ chối bất kỳ giao dịch nào, tạm ngưng sử dụng thẻ của chủ thẻ và/hoặc tính phí vượt hạn mức theo quy định của Ngân hàng, phí vượt hạn mức được tính trên số dư vượt hạn mức được cấp theo biểu phí sử dụng dịch vụ của Ngân hàng là 0,075% số tiền vượt hạn mức, mức thu tối thiểu là 50.000 (năm mươi nghìn) đồng (Mục 18, 27 và biểu phí của Ngân hàng).

- Ông N còn phải chịu các loại phí (Mục 27 và biểu phí của Ngân hàng).

- Dư nợ cuối kỳ của Thẻ là tổng dư nợ trên thẻ bao gồm giao dịch dã bút toán, phí và tiền lãi đã phát sinh trên thẻ (Mục 1.11).

Ông N đã nhận được thẻ tín dụng trên vào ngày 21/01/2019 và đã thực hiện đúng thỏa thuận với Ngân hàng đến ngày 22/4/2023. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, ngày 14/5/2024 ông N có thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông N đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông N đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, thẻ tín dụng đã ký giữa các bên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện Thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 133.530.000 (một trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng, từ ngày 22/01/2019 đến ngày 22/4/2023 ông N đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền là 146.142.000 (một trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm bốn mươi hai) đồng. Từ ngày 23/4/2023, ông N không thanh toán tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng nên thẻ bị quá hạn và hiện đã chuyển sang nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) – khoản nợ trên 360 ngày. Ngân hàng đã gửi các Thông báo về việc thanh toán thẻ tín dụng quá hạn vào ngày 22/7/2023 và ngày 02/4/2024 nhưng ông N vẫn không thực hiện. Ngày 14/5/2024, sau khi Ngân hàng khởi kiện, ông N thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000 (hai triệu) đồng, từ đó đến nay ông N vẫn không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tại Mục 26 Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 04/7/2017 quy định sự kiện vi phạm là: "Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến ngày thứ 10 của kỳ thông báo giao dịch lần thứ 2 thì toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Trong trường hợp này, tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và doanh nghiệp phải thanh toán" và "Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Ngân hàng có thể thực hiện việc chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ". Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N trả nợ vay cho Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận. Tính đến ngày 27/9/2024, ông N còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 51.577.529 (năm mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng.

Từ những nhận định trên, có đủ cở sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận, buộc ông N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số nợ vay là 51.577.529 (năm mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.578.876 (hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi sáu) đồng ông N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T:

Buộc ông Huỳnh Kiên N thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số nợ vay tổng cộng là 51.577.529 (năm mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng, gồm nợ gốc là 32.675.393 (ba mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng, nợ lãi trong hạn là 12.601.424 (mười hai triệu sáu trăm lẻ một nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng, nợ lãi quá hạn là 6.300.712 (sáu triệu ba trăm nghìn bảy trăm mười hai) đồng của Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 12/01/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP T – chi nhánh Bến Tre và ông Huỳnh Kiên N.

Ông Huỳnh Kiên N còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Thẻ tín dụng trên kể từ ngày 28/9/2024 đến khi ông Huỳnh Kiên N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.578.876 (hai triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn tám trăm bảy mươi sáu) đồng do ông Huỳnh Kiên N1 phải nộp.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.143.000 (một triệu một trăm bốn mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005007 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến